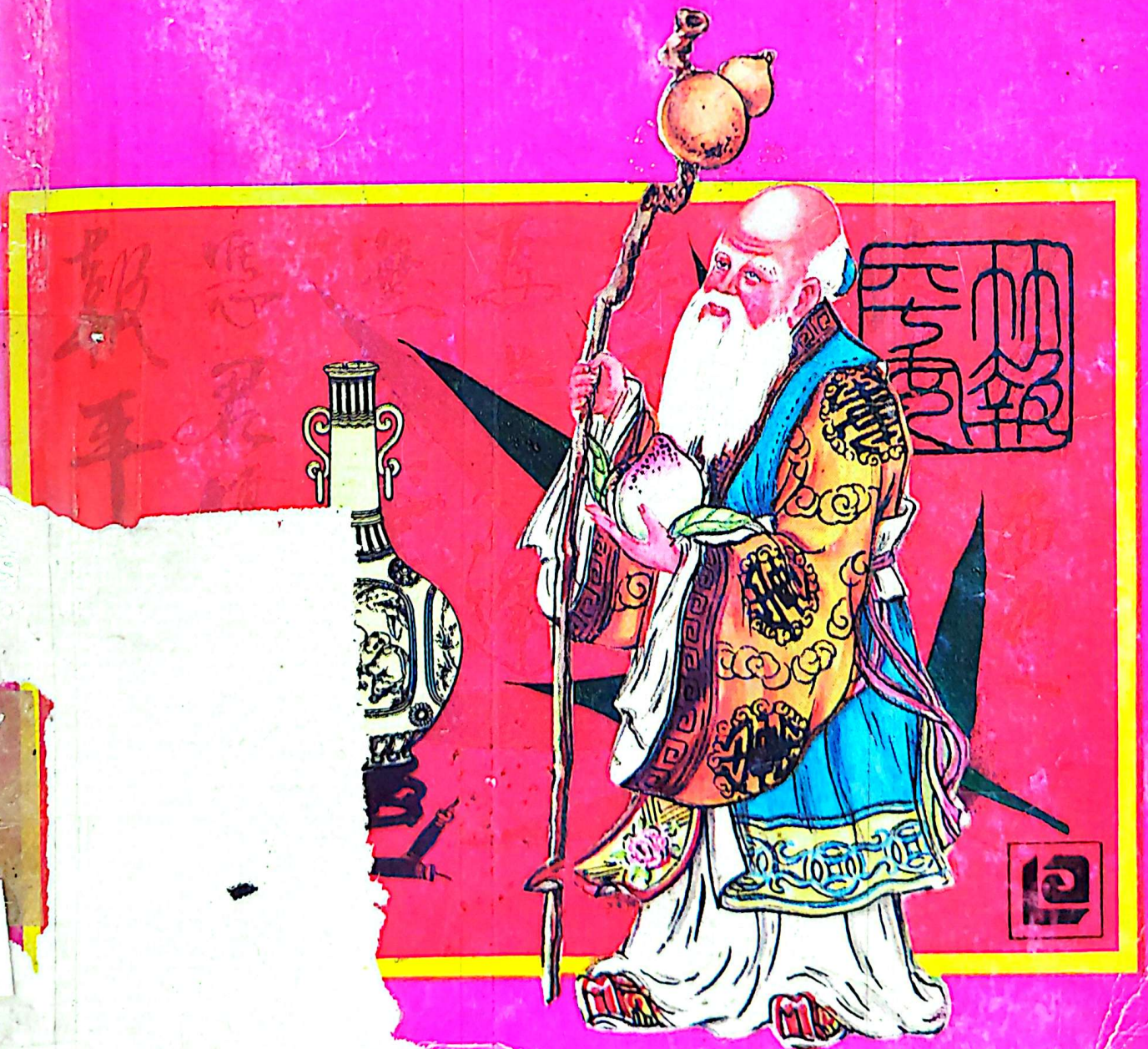


ĐÔNG Y HỌC
ĐỒ PHONG THUẦN

VIỆT NAM Y HỌC THỰC NGHIỆM



Y1
V308



DVA.001470

MỜI CÁC BẠN
BỘ SÁCH THUỐC QUÝ:

DƯỢC TÍNH CHỈ NAM[?]

của Đông Y sĩ Nguyễn Văn Minh

Bộ sách được in thành 4 tập. Giới thiệu đầy đủ: dược tính, tính chất và cách bào chế của tất cả các loài động vật và thực vật.

VIỆT NAM Y HỌC

THỰC NGHIỆM

NHÀ XUẤT BẢN LONG AN

—000—

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TRẦN VĂN KÍNH

Trình bày :

HUY HÀ

Bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

Sửa bản in :

KIM LOAN

In 1000 cuốn khổ 13x19 cm. In tại Xi nghiệp In Phan văn
Mãng Long An. Số xuất bản: 72/LA.91. KHXB Số: 02/KH.91.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6- 1991.

MỤC LỤC

Trang

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Chương I.— NGŨ VẬN LỤC KHÍ

— Vận khí	8
— Ngũ vận	8
— Lục khí	11
— Vận khí phối hợp với phủ tạng	15
— Ngũ vận có nghĩa Tề hóa và Kiêm hóa	16
— Lục khí có nghĩa Chính hóa, Đối hóa	16
— Bệnh khí	20
— Bản ngũ vận lục khí	25

Chương II.— KHÁM BỆNH

— Phép xem bệnh	31
— Xem khí sắc	32
— Nghe tiếng nói	33
— Hỏi chứng bệnh	33
— Mạch	34
— Cổ mạch quốc âm	37
— Lư san mạch — Diễn quốc âm ca	46

Chương III. — DƯỢC TÁNH

Chương IV. — CÁC BỘ PHẬN TRONG NGƯỜI

— Mười tám vị thuốc phản nhau	64
— Mười chín vị thuốc sợ nhau	64
— Những vị thuốc kỵ thai	65
— Sơ đồ sự tuần hoàn	66
— Tạng phủ và huyết quản	67
— Sơ đồ bộ óc	70
— Xét về số xương trong thân thể	71
— Sơ đồ tim và phổi	72
— Trái tim và phổi	73
— Sơ đồ bao tử và lá lách	77
— Sơ đồ gan và mật	80
— Sơ đồ thận với bàng quang	83
— Sơ đồ đại trường và tiểu trường	86
— Sơ đồ bộ xương người	89

Chương V — NGOẠI CẢM

— Nội thương tạp chứng	91
— Bệnh trúng phong	91
— Bệnh thương phong (Cảm gió)	92
— Bệnh cảm lạnh	94
— Bệnh bế hàn	96
— Bệnh cảm gió bế tà	97
— Bệnh trúng hàn (Trúng lạnh)	97
— Bệnh âm hàn trực trúng âm kinh	98
— Bệnh trúng nắng	99

— Bệnh nội thương	100
— Bệnh thương thực (Trúng đồ ăn)	102
— Bệnh say rượu	103
— Sáu chứng uất hơi	104
— Bệnh nhiều đàm	105
— Chứng khí uất thượng tiêu	106
— Bệnh khái thấu (Ho khạc nhổ đàm)	107
— Bệnh suyễn háo	112
— Bệnh ngược (Bệnh rét — Paludisme)	114
— Bệnh hoác loạn (Ỉa, mưa, vọp bẻ)	117
— Tiết tả (Ỉa chảy rớt)	119
— Bệnh kiết lỵ	120
— Bệnh tích tụ (Bệnh chứng trong bụng)	122
— Bĩ mẫn (Đầy hơi không đau, tức)	123
— Ẩu thổ (Ụa mưa)	124
— Ế cách, phản vị	126
— Ách nghịch (Nấc cục)	127
— Ái khí (Chứng ợ)	128
— Thân toan thổ toan (Ói chua, ợ chua)	129
— Tào tạp (Bợn dạ, nhờn)	130
— Thủy thũng (Sưng cả người)	131
— Cổ trướng	135
— Bệnh lao tổn	136
— Bệnh thất huyết	139

— Bình ra mồ hôi	141
— Bình nhức đầu	142
— Bình tâm thống (Đau ngay chốn thủy)	145
— Phúc thống (Đau bụng)	147
— Hiếp thống (Đau hông)	148
— Yêu thống (Đau lưng)	150
— Tý thống (Đau cánh tay)	151
— Bối thống	153
— Thông phong	154
— Huyền vụng (chóng mặt)	155
— Ma mộc (Bệnh tê)	159
— Bình hoải (Chứng bại xuội)	160
— Bình kinh quý chinh xung (Sợ sệt giật mình)	161
— Bình hư phiền bất mị	163
— Bình huỳnh dân (Vàng da)	163
— Bình ban chân	165
— Bạch trược (Dãi nước tiểu đục)	166
— Bình nước dãi đường	167
— Bình lâm (Tục gọi đau lậu)	169
— Bình tiểu tiện không thông	171
— Đại tiện không thông	172
— Bình thoát giang (Lời con trẻ)	174
— Bình tiêu khát (Khát nước)	175

— Mộng tình	176
— Cuộc khí (Đau hai ống chơn)	177
— Sẩn khí	178
— Bệnh đau lỗ tai	180
— Bệnh đau mắt	182
— Đau lỗ mũi	183
— Đau miệng và lưỡi	184
— Bệnh yết hầu (Cuống họng)	186

Chương VI.— KHOA PHỤ NỮ

— Khoa phụ nữ	187
— Xích đới, Bạch đới	192
— Băng huyết, lậu huyết	194
— Thai nghén	196
— Ố trở (Bệnh có thai ọa, mửa)	197
— Tử thủng (có thai sung)	199
— Tử phiên	199
— Lậu thai	200
— Sia (Sung hai ống chơn)	201
— Tử huyền	202
— Tử lâm (đái gắt như đau lậu)	202
— Tử ngược (Rét)	205
— Thai động	206
— Thai thủy	208
— Thai vụng (Chống mặt)	209

— Tiết tả (Ỉa rót)	210
— Kiết lý (Bệnh kiết)	211
— Phạm phòng (Có thai còn giao cấu)	212
— Đại, tiểu tiện không thông	212
— Yêu thông (Đau lưng)	213
— Phúc thông (Đau bụng)	214
— Tâm thông (Đau trên chón thủy)	216
— Chinh xung (Sợ sệt khiếp)	217
— Khái thẩu (Hô khắc nhỏ)	219
— Trúng phong (trúng gió)	220
— Thương thử (Cảm nắng)	221
— Thương thực (Trúng đồ ăn)	222
— Thúc thai (Rỏ thai)	223
— An thai	224
— Tiểu sản (Sanh non)	226
— Lâm sản (Chuyển bụng đẻ)	231
— Sanh hóa thang	233
— Mới sổ lòng ngồi nhau	234
— Bảo sản vạn toàn thang của Hải Thượng	235
— Các chứng hậu sản	235
— Thất huyết	237
— Ác lộ (Huyết xấu)	238
— Sản hậu đau lưng	240
— Sản hậu khái thẩu (Hô)	241

— Sản hậu nậu lao	243
— Sản hậu đầu thông	244
— Sản hậu hoắc loạn	245
— Sản hậu lâm dịch	246
— Sản hậu ứa sữa	247
— Sản hậu tiểu tiện không thông	248
— Chứng huyết có cục đau đã dượt	248
— Sản hậu huyền vụng (Chóng mặt)	251
— Sản hậu phát quyết (Phát lạnh cứng mình)	252
— Sản hậu băng huyết	253
— Sản hậu khí Doãn (Mệt)	254
— Sản hậu vụng ngôn (Nói xàm)	256
— Thương thực (Trúng thực)	257
— Phần nộ (Tức giận)	258
— Sản hậu lại ngược (Giống như rét)	259
— Sản hậu giống thương hàn	261
— Sản hậu đại tiện bí kết	261
— Sản hậu giống như trúng phong	263
— Sản hậu kinh bình	264
— Sản hậu ra mồ hôi nhiều	265
— Sản hậu ra mồ hôi trộm	265
— Sản hậu khát nước, đường tiểu tiện không thông	266